

CẢI TỔ VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

Giáo sư, tiến sĩ V.N. IVANOV

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Xã hội học.

Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô

Trong giai đoạn cải tổ hiện nay, việc nhận thức lại xã hội, việc phát hiện kịp thời các vấn đề và các mâu thuẫn nảy sinh, những tìm tòi về những con đường và biện pháp tối ưu, những dự báo xã hội chắc chắn là nhiệm vụ cấp thiết của tất cả các nhà khoa học xã hội, trong đó có các nhà xã hội học. Như M.S. Gorbachev đã nhận định rằng cải tổ không chỉ là sự giải thoát khỏi tình trạng trì trệ và bảo thủ của thời kỳ trước, là sự sửa chữa các khuyết điểm đã mắc phải, là việc uốn nắn lại của tổ chức xã hội và phương pháp làm việc, mà còn là “một quá trình tương đối dài của sự đổi mới cách mạng xã hội có logic riêng và có các giai đoạn.”⁽¹⁾

Một trong những mặt bản chất của logic cải tổ là đảm bảo cho sự phát triển môi trường xã hội chú ý trước hết đến các vấn đề xã hội. Việc giải quyết chúng một cách độc đáo và có “chất lượng đánh dấu thăng lợi xã hội: tạo ra những điều kiện cần thiết cho sự phát triển nhân cách kiểu xã hội chủ nghĩa, khẳng định hoàn toàn sự công bằng và bình đẳng xã hội của chủ nghĩa xã hội, củng cố hơn nữa mối liên minh của tất cả các lực lượng xã hội với vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, kết hợp tối ưu sự phân hoá ít nhất thể hóa xã hội, củng cố sự thống nhất xã hội - chính trị, sự phát triển dân chủ trong xã hội Xô-viết và tự quản xã hội chủ nghĩa.

Trong sự đảm bảo khoa học cho thắng lợi xã hội của cải tổ, vai trò quan trọng thuộc về xã hội học. Tiềm năng khoa học của nó, kho tàng kinh nghiệm đã tích lũy được trong những năm qua về tổ chức và thực hiện nghiên cứu xã hội học cho phép khởi thảo một chương trình xã hội tổng hợp có tính đến các nhu cầu khách quan của sự đổi mới cách mạng đối với xã hội. Đó là phát hiện các vấn đề và xu thế mới của sự phát triển xã hội, các hiện tượng mới trong các phạm vi khác nhau của đời sống, và như V.I. Lênin yêu cầu xác định, xã hội mới này mang tính cộng sản đến chừng nào khi tìm ra các phương tiện hữu hiệu hỗ trợ cho nó.

Ngày nay rõ ràng cải tổ không phải là việc xét lại tư tưởng xã hội chủ nghĩa, mà là thái độ hành động kiến quyết, hiểu thấu sâu sắc nhu cầu chín muồi của xã hội với tư cách là một cơ cấu đang phát triển, khắc phục sự tách rời giữa các lý tưởng xã hội và các nguyên tắc với thực trạng xã hội, giữa hành vi xã hội với hoạt động của con người trần thế hiện thực hợp thành các giai cấp, dân.tộc, các tập thể lao động.

Hiện nay những biến động lớn nhất trong thực tế xã hội đang diễn ra do việc thực hiện đổi mới kinh tế triệt để: hạch toán kinh tế hoàn toàn, tự cấp vốn và tự bù. Trong chương trình nghị sự có việc khởi thảo một hệ thống tối ưu hóa thống nhất từng thành tố của nền kinh tế quốc dân (liên hợp vùng, đất nước nói chung) theo tuyến dọc và ngang, thực hiện chương trình tổng hợp hoàn thiện bộ máy hoạt động kinh tế xã hội chủ nghĩa, cải cách giá cả thực hiện ở mọi nơi luật xí nghiệp quốc doanh.

Không nghi ngờ gì nữa rằng chỉ có thể trông chờ vào sự gia tăng tính tính cực xã hội, tạo các tiên đề cần thiết cho việc đạt được tình trạng xã hội mới về chất với điều kiện nếu cải tổ kinh tế trực tiếp đưa đến nâng cao phúc lợi của nhân dân.

Việc thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội đụng chạm đến lợi ích cơ bản của nhân dân lao động gắn liền với các cuộc cải cách kinh tế đã tiến hành trước đây. Hiện nay việc người ta chú ý nhiều đến các vấn đề lý thuyết và thực tiễn về công bằng xã hội là điều hoàn toàn hợp qui luật. Trên khung cảnh chiến lược nó là mục tiêu cương lĩnh quan trọng nhất của công cuộc xây dựng

¹ M.S. Gorbachev, *Tháng Mười và cải tổ: cách mạng đang tiếp tục* “Pravda” 3-11-1987 tr. 3

chủ nghĩa cộng sản và đồng thời là phương tiện hữu hiệu tăng tốc tiến bộ xã hội, nguồn gốc chính của năng lực sáng tạo của quần chúng, đẩy mạnh nhân tố con người. Nội dung của nó gồm có quan hệ qua lại của các cộng đồng khác nhau (giai cấp, nhóm, tầng lớp tập thể) và địa vị xã hội của chúng, khả năng thực hiện các mục tiêu và thỏa mãn nhu cầu của mình. Do đó, công bằng là một phạm trù đạo đức xã hội và quan niệm về nó tùy thuộc ở nhiều điều kiện và nhân tố.

Nguyên tắc công bằng xã hội đầy đủ nhất được thể hiện trong hệ thống tiền lương và kích thích lao động, trong sự đạt tới lợi ích vật chất và văn hóa như nhận định trong Hội nghị toàn thể ủy ban trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tháng 6 (năm 1987), vấn đề chính trong lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội là dựa trên cơ sở xã hội chủ nghĩa mà tạo ra các động lực tiến bộ kinh tế, khoa học - kỹ thuật và tiến bộ xã hội mạnh hơn trong chủ nghĩa tư bản, là sự liên kết có hiệu quả nhất sự lãnh đạo có kế hoạch với lợi ích của cá nhân và tập thể⁽²⁾. Trong việc giải quyết vấn đề chủ yếu này, cần phải tập trung nỗ lực chính của tác nhà xã hội học.

Đã là một điều rõ ràng rằng các động lực tìm được sẽ “làm việc” cải tổ nếu chúng thể hiện khá đầy đủ sự công bằng xã hội xã hội chủ nghĩa và tác động tích cực đến sự hình thành lợi ích và nhu cầu của con người.

Mọi động lực vật chất, tinh thần, xã hội đều gắn liền với sự thỏa mãn những nhu cầu nhất định. Do đó, việc tìm tòi những động lực hữu hiệu phải tính đến tính chất và tính năng động của nhu cầu, hoàn cảnh hỗ trợ hoặc kìm hãm sự phát triển chúng. Các động lực phải “hoạt động” nhằm nâng cao nhu cầu, nghĩa là phát triển tính đa dạng của chúng, cải tạo cơ cấu có lợi hơn cho các giá trị xã hội... v.v.

Trong điều kiện đổi mới cách mạng đối với xã hội, điều rất quan trọng là vấn đề cấp độ phát triển của chính các nhu cầu, tính trí tuệ của chúng. Đã có tình trạng là trong một thời gian dài nhiều người đã quen làm việc tẻ nhạt và nhàm chán. Thái độ thỏa mãn đối với nhiều người đã trở thành một thói quen xã hội. Nhưng hiện nay tính chất nghèo nàn của các nhu cầu vật chất và tinh thần (đặc biệt là nhu cầu tinh thần) đã trở thành vật kìm hãm sự phát triển xã hội và kinh tế của xã hội.

Tiếc rằng trong một bộ phận thanh niên còn phổ biến nhu cầu giả, các hình thức tiêu thụ mà một mặt chứng minh khả năng nguyên trạng của một nhóm xã hội, mặt khác, thể hiện tính chất chật hẹp, phiến diện (chiều hướng vật hóa) thường xuyên chạy theo hàng hoá nhập cảng siêu mốt và việc có hàng hóa này lại trở thành phương tiện độc đáo để tự khẳng định nhân cách.

Không thể không nói đến hạn chế nhất định trong quan niệm của chúng ta về: tính chất hợp lý của nhu cầu. Chúng thường diễn ra ngoắt ngoéo trong phương pháp tiếp cận những chuẩn mực. Có các chuẩn mực dinh dưỡng, nhà ở, dịch vụ v.v... các chuyên gia tính toán áp dụng cho “loại người tiêu thụ trung bình”, không cần tính đến tính năng động của cung cầu (nhất là mặt chất lượng của chúng). Chúng nằm trong các tương quan nào với các quan niệm thực tế của các nhóm dân cư khác nhau với hành vi tiêu thụ thực tế của họ? Sự không trùng khớp với nhau là điều tất nhiên. Nhưng ở mức độ nào và với các nhóm nào? Vấn đề này cần được nghiên cứu một cách hệ thống trong tiến trình điều tra xã hội học. Thông tin loại này có lẽ không chỉ hữu ích đối với việc đánh giá các nhu cầu hiện có mà còn đối với việc dự báo những biến động có thể trong nội dung và phương thức thỏa mãn chúng.

Việc phân tích tính năng động của lợi ích vật chất của dân cư vào cơ sở các dữ kiện thu nhận được trong quá trình nghiên cứu lối sống của nhân dân Liên Xô trong toàn Liên bang đã chứng tỏ rằng: nhu cầu của những đại biểu cho các tầng lớp dân cư khác nhau nhích gần lại nhau nhanh

² Văn kiện toàn thể của UBTƯĐCSLX, 25-26 tháng 6-1987" M. Polilzdai 1987, tr. 41

hơn nhu cầu được xác định bởi vị trí khách quan của các tầng lớp dân cư trong hệ thống sản xuất xã hội và những điều kiện vật chất của đời sống⁽³⁾. Điều đó biểu hiện trong khuynh hướng muốn giảm bớt những khác biệt giữa các mặt hàng và các loại dịch vụ mà các nhóm có mức thu nhập khác nhau nhằm vào và sự nhích gần lại nhau về nhu cầu tiêu thụ của tất cả các loại dân cư.

Ngày nay ta thường nghe thấy một đề nghị dai dẳng về hệ thống phân phối lợi ích vật chất sao cho tất cả những gì nâng cao mức quy định tối thiểu về xã hội được đảm bảo cho mọi người được quan niệm là khoản lương phụ, hơn nữa phòng chi đối với nhà nước, mà cả đối với các cá nhân có thể giúp cho khoản tiền thưởng bổ sung này. Mặc dù đề nghị này có đầy đủ cơ sở nhưng không thể không nhìn thấy những biến dạng nhất định trong quá trình thực hiện nó. Cụ thể:

1. - Ngày nay ai là người có tiền? Liệu có phải đó là những người kiếm tiền bằng lao động lương thiện? Thiết tưởng rằng hoàn toàn không.

2. - Ai là người kiếm tiền nhờ lợi ích bổ sung và điều đó được nói lên như thế nào trong tình hình công việc chung trong phạm vi xã hội? Liệu có xảy ra tình trạng một số hàng hóa và dịch vụ không được nâng cao chất lượng? Liệu có xuất hiện một nhóm mới hay các nhóm “siêu tài sản” một loạt tỷ phú mới hay không? Rõ ràng là có nguy cơ phân phối lại tiền giữa các nhóm dân cư bằng cách đó. Điều đó hoàn toàn không nói lên mâu thuẫn của việc cải tiến công việc ở các quy mô lớn. Tất nhiên một bộ phận công dân nào đó có khả năng thỏa mãn nhu cầu này, nhưng để giải quyết vấn đề thì còn điều đó còn ít. Hơn nữa tiền lương cao ngoài phạm vi hoạt động chủ yếu có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ của chính những người làm việc. Thí dụ: Liệu các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao cống hiến toàn bộ tri thức và sức lực của mình cho công tác ở cơ quan nhà nước, định hướng nhiều hơn vào hoạt động lao động cá nhân hoặc hoạt động trong hợp tác xã được không? Ngoài ra còn có nguy cơ thực tế là cán bộ bỏ các xí nghiệp nhà nước mà đi. Và còn nữa, nếu chuẩn mực xã hội (tối thiểu trở thành như nhau đối với mọi người, nghĩa là ngay từ đầu đã không thể phân hóa (sự phân hóa sẽ được xem là khả năng với điều kiện là không có thiếu hụt), liệu việc đó có dẫn đến sự bình quân mà chúng ta vẫn đấu tranh không? Phải nhớ đến những điều này và nói lên để hình dung rõ những khó khăn thực tế trong việc thực hiện nó. Chẳng giấu giếm gì rằng chúng ta chỉ thích nhìn thấy và giới thiệu các mặt tích cực trong các cuộc cải cách đã đặt ra và trong việc vạch ra các kế hoạch mà không nhìn thấy các tiền đề tiêu cực, những lệch lạc và biến dạng có thể có.

Trong khi tìm tòi các hình thức và phương pháp kích thích tối ưu, phải tính đến sự lớn mạnh vai trò cấu hình thức tập thể phù hợp với bản chất lao động xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở các nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể. Khi đạt được kết quả cao thì tất cả tập thể lao động phải được khuyến khích vật chất (đội sản xuất, phân xưởng, v.v...). Tất nhiên điều đó không giả thiết sự bình quân. Nhờ có hệ số tham gia lao động (và các phương thức khác) có thể phân loại tiền thưởng vật chất.

Phương pháp tiếp cận này cho phép mỗi người lao động ý thức sâu sắc sự phụ thuộc trực tiếp của thanh tra cá nhân vào thành tích của cả tập thể. Hơn nữa, hệ phương pháp phân phối tiền lương tập thể có tầm quan trọng đặc biệt. Nó là cơ sở bảo đảm cho người cán bộ khỏi mọi sự chuyên quyền (Tiếc rằng tính chất mơ hồ của các tiêu chuẩn tính toán tiền thưởng vẫn có chỗ đứng đang tạo ra khả năng này).

Trong việc phân bổ và chi tiền cho các biện pháp cải thiện điều kiện lao động và nghỉ ngơi, cho các nhu cầu văn hóa – đời sống, phải tính đến các thành tích sản xuất cụ thể của tập thể. Do hệ thống tiền thưởng cho công nhân, chuyên gia, viên chức... áp dụng từ tháng 1 năm 1987,

3 Công trình nghiên cứu tiến hành vào năm 1986 – 87. Trung cầu hơn 10 nghìn đại diện cho tất cả dân cư lớn tuổi của đất nước.

những người lãnh đạo các xí nghiệp có quyền tự sắp đặt từng hình thức thưởng cho những kết quả của hoạt động thực tiễn. Việc đó mở ra chân trời rộng lớn cho tác động thực tế đến sự cống hiến lao động của tất cả các loại cán bộ. Điều quan trọng là phải làm sao cho trong việc giải quyết của cơ quan chính quyền, ý kiến của tất cả thành viên trong tập thể lao động phải được chú ý tới một cách đầy đủ nhất.

Trong quá trình tổ chức khuyến khích, phải nhớ rằng đối với con người trong lao động điều quan trọng không phải chỉ là tiền lương cao, mà còn là sự đánh giá của xã hội phù hợp với phần tham gia của họ vào sự nghiệp chung, là không khí đạo đức – tâm lý lành mạnh.

Với vai trò quyết định của kinh tế và lợi ích vật chất, không được quên một chân lý đơn giản là con người không chỉ sống bằng bánh mì, rằng hành vi và hoạt động của con người được quyết định không chỉ bằng hoàn cảnh kinh tế. Trong kế hoạch và các tính toán của chúng ta không được tiếp cận con người chỉ như là một thực thể “kinh tế”. Thiếu cân nhắc đến các nhân tố xã hội và tâm lý, kinh nghiệm và truyền thống (trong đó có cả truyền thống dân tộc) khó có thể hy vọng vào thành công nghiêm túc.

Tính chất phiến diện nổi bật trong cách lý giải về công bằng xã hội là ở chỗ xem xét chủ yếu các vấn đề phân phối và phân phối lại, đồng thời lại ít chú ý đến vấn đề quan trọng nhất là việc bố trí công bằng mọi người phù hợp nghiêm ngặt với phẩm chất công việc, đạo đức và chính trị của họ.

Hiện nay chúng ta có guồng máy như vậy không? Thật ra chúng ta chỉ mới đang xây dựng nó. Và ở đây, cái chính là tính công khai, không có cái lối ri tai sau cánh gà, trông chờ vào những mối liên hệ cá nhân và ý kiến của thượng cấp, mà định hướng vào trách nhiệm trước tập thể của mỗi người lao động.

Sự khẳng định phương pháp tiếp cận này sẽ có ý nghĩa to lớn đối với việc kích thích những biến động xã hội quan trọng trong những đặc trưng về chất của tất cả các nhóm dân cư có công ăn việc làm và đồng thời là hình thức kiểm soát xã hội cho phép thực hiện “sự đào thải tự nhiên” trên cơ sở hoàn toàn dân chủ.

Các công trình nghiên cứu của chúng ta đã chứng minh rằng, tình hình biến đổi chậm. các cuộc trưng cầu ý kiến cán bộ của ban liên hợp khoa học – sản xuất và năm tổ hợp khoa học – kỹ thuật liên ngành đã cải tổ 1.200 người được hỏi – tiến hành ở Moskva hồi 11 năm 1986 và tháng 4 – 1987, đã xác nhận: theo ý kiến của 45% số người được hỏi, những mối liên hệ riêng tư với lãnh đạo cấp cao hơn có ý nghĩa quyết định đối với việc đề bạt cán bộ và chỉ có 15% cho rằng khi đề bạt cán bộ lãnh đạo có chiếu cố đến quan điểm của tập thể lao động và tổ chức Đảng ở đó.

Cần có tư duy lý luận vấn đề vai trò kích thích của tính bảo hiểm xã hội đối với con người trong chủ nghĩa xã hội, nghĩa là sự đảm bảo này là thành quả vĩ đại nhất của chủ nghĩa xã hội. Nhưng chúng đã trở thành quen thuộc, đó là điều hiển nhiên. Song tiếc rằng, nó dẫn đến chỗ, những bảo đảm này đã không có tác dụng làm động lực kích thích lao động có lương tâm. Rõ ràng, tác động của chúng có lẽ chỉ bộc lộ trực tiếp trong trường hợp nếu chúng được ý thức và được đánh giá đúng ở mức độ đầy đủ. Nhưng ở đây lại nảy sinh một nghịch lý, khi mà người làm việc tốt và người làm việc tồi (hoặc lười biếng đối với lao động hữu ích chung) được hưởng sự bảo hiểm xã hội như nhau. Trong ý thức xã hội, nghịch lý này ngày càng được xem là một cái gì đó không hoàn thiện và bất công.

Theo số liệu điều tra toàn Liên bang về lối sống của nhân dân Liên Xô, số người đánh giá hệ thống khuyến khích vật chất hiện hành là tốt có 32,2%, là thỏa đáng: 40,7%, tồi: 17,5%: về hệ thống khuyến khích tinh thần tương ứng là: 36,4%: 40,1%: 15,1%. Rõ ràng rằng, để khắc phục tính thụ động của xã hội, thái độ thờ ơ và tha hóa trong hoạt động sống của các nhóm dân cư, còn phải làm nhiều điều trong lĩnh vực này. Một hệ thống khuyến khích hữu hiệu phải tính toán đầy

đủ hơn đặc điểm của các quá trình xã hội hóa nhân cách trong điều kiện của giai đoạn cải tổ có bước ngoặt hiện nay, hình thành các động cơ, mục tiêu, giá trị mới, dự kiến sự tất yếu của “chủ nghĩa bảo thủ tâm lý”, gây khó khăn cho việc nhận thức về những biến cố đang xảy ra và những biến động tất yếu trong hành vi và hoạt động của các cá thể. Sự phức tạp hóa toàn bộ các nhân tố quyết định hoạt động của cá nhân đòi hỏi một nhận thức khoa học sâu sắc. Thiếu cái đó thì sự hoán vị nhất thời các dấu nhấn trong hệ thống khuyến khích bị cản trở.

Trong sự phân tích chuyên biệt cần bàn đến, vấn đề lương hưu trí, nhất là nếu tính toán rằng, do sự tăng giá bán lẻ trên thực tế mà tình hình kinh tế của những người về hưu có chiều hướng xấu đi. Song, khi đề cập đến vấn đề hoàn thiện sự kích thích, phải ủng hộ các tác giả có ý kiến rằng mức lương hưu cũng phải gắn liền với sự cống hiến lao động thực tế của mỗi cán bộ, bởi vì điều đó cho phép tác động đến mức độ tính hiệu quả xã hội và kinh tế của việc sử dụng các lực lượng dự trữ về sản xuất

Bên cạnh vấn đề khuyến khích như thế nào, nổi lên vấn đề khuyến khích ai. Hình như, câu trả lời thực hiện nhiên, những ai bằng lao động của mình xứng đáng với điều đó. Song, vì lao động không đơn loại về mặt xã hội, vai trò của các loại lao động khác nhau trong tiến bộ xã hội cũng khác nhau. Cụ thể công nhân phụ làm lao động chân tay với kỹ sư chế tạo máy móc thì ý nghĩa thực tế hoạt động của họ đối với xã hội không như nhau.

Hình như, xã hội quan tâm đến việc thay thế cho loại lao động ít chuyên môn, đơn điệu, không sáng tạo, không đòi hỏi trình độ học vấn, trình độ chuyên ngành bằng lao động cơ khí hóa, máy móc hóa. Song, trên thực tế tính không hấp dẫn xã hội tính uy tín thấp của loại lao động này được bù lại bằng vật chất tương ứng, điều đó không những không dẫn đến loại trừ lao động giản đơn mà còn hỗ trợ cho sự bảo thủ bảo tồn. Một thời gian dài, các bộ và các cơ quan muốn mở rộng danh mục chỗ làm việc cho quyền ưu tiên, xem cái sau là phương pháp hữu hiệu tuyển mộ và củng cố cán bộ

Thực tế đánh giá hiện hành hoạt động của các xí nghiệp, bản thân các cán bộ thường ưa thích nhận ưu tiên công tác hơn trong những điều kiện bình thường và như ta vẫn nói, không muốn cơ khí hóa lao động của mình, trút bỏ nó “sang vai máy móc”

Tất nhiên, trong các giai đoạn khác nhau của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, các nhóm nhân dân lao động đóng vai trò khác nhau. Một số trong họ đã trở thành đội tiên phong xã hội, thực hiện những cải cách xã hội - kinh tế có tính chất quyết định, số khác đã tạo tiền đề thích hợp cho việc đó.

Trong điều kiện hiện nay của sự quá độ sang kiểu đầy mạnh quản lý kinh tế, vai trò của các cán bộ khoa học - kỹ thuật và kỹ sư chế tạo, cán bộ tổ chức sản xuất và công nhân có tay nghề cao cần được tính đến trong chiến lược khuyến khích lao động đảm bảo tiền thưởng (có lẽ bằng các loại khác) cho các nhóm quyết định tiến trình cả tổ, tốc độ tăng tốc phát triển xã hội - kinh tế. Nói chung, phương pháp này sẽ hỗ trợ cho sự hình thành và tập hợp các lực lượng xã hội được quan tâm trong những biến động tiến bộ, trong việc thực hiện triệt để các cuộc cải cách đã vạch ra..

Hơn nữa, trong điều kiện thiếu hàng hóa và dịch vụ, việc phân hóa tiền lương là chưa đủ. Cần trả nhiều hơn cho những cán bộ khá hơn, do đảm bảo cho họ đạt được thực tế lợi ích vật chất, bảo đảm hàng hóa tính bằng rúp. Vấn đề đây không phải là nói tới việc tạo ra các loại phân phối kín mới. Tất cả đều phải làm công khai.

Do những tìm tòi các phương tiện hữu hiệu khuyến khích lao động và công bằng xã hội, vấn đề sắp xếp công ăn việc làm hợp lý cho nhân dân là vấn đề xã hội rất quan trọng và ngày càng có tính chất cấp thiết lớn hơn. Một thời gian dài, trong sách báo của ta có xem xét nghiêm túc vấn đề thiếu lực lượng lao động dự trữ. Song việc phân tích kỹ lưỡng và sâu sắc hơn chúng

minh rằng sự thiếu hụt này thường là giả tạo (hay là tồn tại thực tế trong từng khu vực). Số liệu thống kê sau đây nói lên điều đó: ở Udobkítxtan gần 540 nghìn người không làm công việc hữu ích xã hội (trong số đó 86% dân số là phụ nữ). Theo những tính toán sơ bộ, do việc hoàn thiện tổ chức tiền lương – lao động trong thời gian gần đây, ở khu vực này sẽ giải phóng chừng 200 nghìn người nữa. Tổng cộng là 740 nghìn người chỉ riêng ở một nước cộng hòa O Bêlôrutxia, 240 nghìn người không những tham gia hữu ích xã hội, ở tỉnh Chimkemt thuộc Kazakhstan: gần 170 nghìn người. Thí dụ loại này còn có thể tiếp tục dẫn ra ở những vùng khác nhau của đất nước.

Nói chung có cơ sở để khẳng định rằng hiện nay trong phạm vi phân bổ nhân lực xã hội đã hình thành một hoàn cảnh mới về chất. Ngoài số lượng đáng kể những người còn chưa có việc làm, cần phải nói đến hàng triệu người sẽ phải thôi việc do việc áp dụng cơ khí hóa và tự động hóa trong sản xuất, cải cách tiền lương và các biện pháp tổ chức - kỹ thuật khác. Như vậy, theo tính toán của Viện nghiên cứu khoa học kinh tế trực thuộc Ủy ban khoa học Nhà nước Liên Xô, tính đến năm 2000, số người làm việc trong sản xuất vật chất sẽ giảm xuống là triệu người, trong số đó hơn là triệu sẽ phải đi làm nông nghiệp (4). Tất cả những điều đó sẽ làm phức tạp thêm hoàn cảnh lao động ở trong nước. Nhưng đồng thời các biện pháp tương tự sẽ là động lực bổ sung đối với những người đang làm việc, thúc tỉnh họ ở mức độ lớn hơn trước kia biết quý giá nơi làm việc, giờ làm việc quan tâm hơn đến việc thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn của mình; đến việc nhạy cảm hơn đối với tiến bộ khoa học kỹ thuật, đến những yêu cầu thường xuyên tăng của nó.

Do việc đẩy mạnh sản xuất xã hội mà các nhà xã hội học chuyển sự chú ý đến: các nguồn gốc phẩm chất của, sự phát triển, sang phân tích toàn bộ điều kiện và nhân tố quyết định hành vi hoạt động và lao động của con người. Vấn đề ở đây nói tới là cách nhìn vấn đề rộng hơn, tập trung nỗ lực vào việc phát hiện ra các trữ lượng xã hội hiện có, đo lường và phân loại chúng về chất và lượng.

Như các cuộc trưng cầu các cán bộ xí nghiệp, các tổ chức, các sinh viên của các trường đại học và các trường kỹ thuật trung cấp đã chứng minh rằng, có đến 20 – 30% số người được hỏi thể hiện nguyện vọng muốn làm thêm, nếu tạo được những điều kiện thuận lợi. Tính đến đầu năm 1987 trong số các cán bộ về hưu theo lứa tuổi trong công nhân viên chức số mười còn làm việc dưới 1/3 (5).

Phải xếp cả việc làm lành mạnh lối sống của các nhóm xã hội - nhân chủng và xã hội-chuyên nghiệp, thuộc số các vấn đề xã hội quan trọng nhất. Như ta đã biết trong hai năm gần đây đã thúc đẩy các biện pháp triệt để chống nạn say rượu. Trong số đó chiếm vị trí trung tâm là các biện pháp hành chính và kinh tế: đình chỉ sản xuất và bán rượu nặng, tăng giá rượu, hoa quả, kiên quyết trừng trị các hành động (luật hình) vi phạm luật cấm rượu hiện hành và các luật thương nghiệp đã quy định. Mặc dù các biện pháp đã được áp dụng, nhưng chúng vẫn chưa giảm quyết được vấn đề nói chung. Hơn nữa, còn có các khuynh hướng đáng lo ngại: mở rộng quy mô tự nấu rượu, đầu cơ rượu.

Trong những năm trì trệ, các nhà xã hội học rất rụt rè khi nghiên cứu nguyên nhân của các quá trình xã hội tiêu cực; điều đó dẫn đến việc lạc hậu nhất định trong sự khởi thảo các phương pháp phân tích chúng trên lý thuyết và hệ phương pháp. Giờ đây công việc này đã đảo lộn. Các công trình nghiên cứu về các vấn đề xã hội nhằm khắc phục nạn say rượu và nghiện rượu đã nhận được sự đánh giá tích cực của các tổ chức Đảng. Kết quả nghiên cứu đã được sử dụng không những trong việc viết các báo cáo khoa học mà còn để phát trên vô tuyến truyền hình trung ương, chuẩn bị hội nghị khoa học thực tiễn toàn Liên Xô. Liên minh sáng tạo của các phân nhánh của Viện Nghiên cứu xã hội học của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô với các nhà xã hội học Gruria

4. Kostikov. *Có đầy đủ công ăn việc làm, chúng ta hiểu nó như thế nào?* “Kommunist” 1987 số 14, tr.19

5. *Lao động xã hội chủ nghĩa*, 1987, số 5, tr. 89

hứa hẹn sẽ có kết quả, nó đang tiến lên nghiêm túc trong việc nghiên cứu nguyên nhân của căn bệnh xã hội nguy hiểm nhất là bệnh ma túy.

Tất nhiên việc làm lành mạnh lối sống không giới hạn ở việc giải quyết vấn đề này. Điều rất quan trọng là nâng cao vực tập thể dục chung của nhân dân; làm cho công tác phòng bệnh bảo vệ sức khỏe trở nên hữu hiệu hơn, cải tiến hoạt động của các cơ quan kinh tế nói chung, nâng cao chất lượng của công tác kinh tế.

Các công trình nghiên cứu xã hội học tiến hành trong những năm gần đây, đặc biệt về lối sống, về các chỉ tiêu xã hội, các khía cạnh xã hội của cuộc thử nghiệm kinh tế với quy mô lớn; các vấn đề giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp, việc áp dụng các hình thức tập thể về tổ chức và khuyến khích lao động, cuộc đấu tranh với các tệ xã hội đã cho ta những thông tin phong phú về các khả năng kinh tế và xã hội của chúng ta, về các khả năng hiện có và những vấn đề chưa được giải quyết. Nó phải giúp cho việc nâng cao sự bảo đảm xã hội học của tính chất xã hội lên một cấp độ mới về chất.

Đặc trưng toàn diện của các nhóm xã hội cơ bản, việc phân tích sâu nhu cầu và lợi ích, việc lập luận cho các phương án giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, việc dự báo hậu quả của các biện pháp được áp dụng, việc bảo đảm cho “mối quan hệ ngược” giữa các cơ quan quản lý và quần chúng - tất cả những cái đó là điều kiện bắt buộc của một chính sách xã hội mạnh và hiện thực. Tiếc rằng kinh nghiệm làm việc như vậy ở các nhà xã hội học còn ít. Trong những thời hạn ngắn ngủi sẽ phải xây dựng được cơ sở khoa học nghiêm túc trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và dự báo. Điều đó đòi hỏi ở khoa học sự căng thẳng nhất định, sự cải thiện tổ chức và kế hoạch hóa khoa học.

Chính sách xã hội được thực hiện trên thực tế là một hệ thống hoạt động của các thể chế tương ứng. Do đó trước mắt khoa học xã hội học là vấn đề khởi thảo ra kỹ trị xã hội. Trong những năm gần đây ngày càng chú ý nhiều hơn đến các phương pháp tiêu chuẩn hóa quản lý. Sự tiến bộ theo hướng này gắn liền với hoạt động của các cơ quan phát triển xã hội. Đồng thời, phải đưa công tác của chúng phù hợp với những điều kiện mới và các nhiệm vụ tăng tốc. Trong hoàn cảnh trì trệ khi mà nguyên tắc phân chia lực lượng dự trữ ra thành các chương trình xã hội vẫn còn tác động, còn tổ chức xã hội của phần lớn tập thể lao động vẫn hoạt động cố định, các nhà xã hội học có ảnh hưởng rất yếu đến thực tế quản lý theo đuổi các sự kiện, tiên đoán rất kém về tính chất và hậu quả của chúng.

Ngày nay, phải đặt việc thiết kế xã hội, việc xây dựng thực hiện các mô hình xã hội tương lai thành trọng tâm của toàn bộ công tác. Đã tích lũy được một số kinh nghiệm về việc thống nhất nỗ lực đại diện của hàng vạn môn khoa học. Tôi muốn nói đến việc khởi thảo đề tài “Các khía cạnh xã hội của việc lập đề án kết tụ MOSKVA”. Một tập thể khoa học được thành lập tạm thời trên cơ sở của phân ban dự báo xã hội của Viện Xã hội học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô là hình thức có triển vọng về sự hợp tác khoa học.

Việc nâng cao vai trò của xã hội học trong việc giải quyết các vấn đề xã hội chín mùi gắn liền với việc cải tiến toàn bộ tổ chức công tác của các nhà xã hội học. Hienr nhiên là cơ cấu của các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội học hiện hành không tương đương với các nhiệm vụ mà khoa học xã hội học phải giải quyết. Sẽ phải cải tạo nó một cách căn bản cả về lượng lẫn chất. Cần có các trung tâm và cơ

quan nghiên cứu xã hội học mới có nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề xã hội kinh tế và xã hội nhân chủng cũng như các vấn đề xã hội văn hóa, các vấn đề đời sống tinh thần, trong đó có việc phát triển ý thức xã hội và dư luận xã hội.

Việc cải thiện kiên quyết toàn bộ công tác phối hợp là điều khá quan trọng. Như đã nhận định tại Hội nghị toàn thể Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (tháng 1 năm 1987). “Các vấn đề quan trọng như sự phối hợp giữa Viện Hàn lâm khoa học với bộ môn khoa học của trường đại học và của ngành, sự nhất thể hoá những nỗ lực của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội. Tính tổng hợp của các công trình nghiên cứu đang tiến hành vẫn là những vấn đề gay gắt như xưa và phần nhiều - chưa được giải quyết” (6)

Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô đã tiến những bước thực tiễn về mặt này. Đã quyết định rằng trung tâm lãnh đạo khoa học về hệ phương pháp và là chức phối hợp các công trình nghiên cứu khoa học phải là các chi nhánh của Viện Hàn lâm khoa học Liên xô và chúng sẽ quyết định những khuynh hướng cơ bản, duyệt các kế hoạch hoạt động phối hợp và kiểm tra việc thực hiện chúng cũng như chịu trách nhiệm về sự phát triển các công trình nghiên cứu khoa học cơ bản đang tiến hành các cơ quan khoa học ở Viện Hàn lâm, của ngành và trường đại học, ở các chi nhánh còn thành lập các hội đồng phối hợp hoạt động khoa học mà chúng đồng thời còn thực hiện các chức năng của phân ban trong hội đồng hàn lâm nhằm phối hợp các công trình nghiên cứu khoa học.

Các đề tài uy tín chiếm vị trí chính trong công tác của hội đồng phối hợp. Đối với trung tâm khoa học trong lĩnh vực xã hội học - Viện Nghiên cứu xã hội học thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô có đề tài là “Lĩnh vực xã hội, các khuynh hướng, xu thế và chỉ tiêu phát triển cơ bản”. Việc thảo luận quan điểm của đề án nghiên cứu này được tổ chức tại hội nghị báo cáo chọn lọc tháng 3 năm 1987 vẫn tiếp tục cả trong hội nghị phối hợp do ban triết học và pháp quyền thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô tổ chức tại Moskva vào tháng 6 năm 1987. Theo dư luận chung thì hội nghị này là có ích. Tại hội nghị có nhận xét kinh nghiệm tích cực về việc phối hợp nghiên cứu ở vùng PriBantich và nhiều khu vực khác. Tất nhiên hôm nay vấn đề không chỉ nói tới các biện pháp tổ chức về vật chất kỹ thuật, cần thiết trước hết sự chuyển tiếp từ con đường phát triển theo chiều rộng sang con đường phát triển theo chiều sâu. Nghĩa là đảm bảo những biến động về chất cho các công trình nghiên cứu xã hội học. Việc giải quyết các vấn đề xã hội đã chín mùi và tiên đoán những tình huống xã hội mâu thuẫn và xung đột có thể xảy ra đòi hỏi các nhà xã hội học phải đánh giá lại kinh nghiệm cũ, gạt bỏ “tính rụt rè xã hội” biện hộ cho nguyên trạng của các công trình nghiên cứu lý thuyết khẳng định sự tìm tòi khoa học táo bạo, có trình độ nghề nghiệp cao, có thái độ quan tâm đến các phương pháp và quan điểm khác nhau về các vấn đề lý thuyết và thực tế cấp thiết của sự phát triển xã hội. Trong chương trình nghị sự có đặt ra vấn đề về tư duy xã hội học mới có khả năng hỗ trợ tích cực cho cải tổ, cho sự nghiệp tăng tốc phát triển xã hội - kinh tế của đất nước.

TRẦN Y MINH dịch

*Nguồn: Sociologičeskije issledovanija (Liên Xô)
Số 1 – 1988*

6. Văn kiện Hội nghị toàn thể UBTƯĐCSLX, đã dẫn, tr. 56